

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	380968	Hà Việt Hồng	3809	4	10	8	13	71	160	340	500	8.5
2	381808	Bùi Thị Chi	3818	7	16	24	10	48	295	200	495	8.5
3	381040	Trần Minh Phương	3810	6	13	9	13	58	190	260	450	8.0
4	381749	Vũ Thị Ngọc Lan	3817	4	11	11	9	44	160	175	335	
5	381016	Lò Thị Bích	3810	3	19	13	7	32	195	100	295	
6	380937	Vũ Cao Huy	3809									
7	381405	Lê Bảo Nam	3814									
8	382065	Lê Ngọc Tú	3820									
9	392661	Nguyễn Huy Khánh	3926	9	28	28	28	87	495	430	925	10.0
10	392662	Vũ Hà My	3926	9	30	27	25	85	495	420	915	10.0
11	392653	Võ Phương Đông	3926	10	25	26	28	83	490	410	900	10.0
12	392655	Trần Mỹ Giang	3926	9	20	15	16	99	315	495	810	10.0
13	392543	Nguyễn Tuấn Anh	3925	6	23	23	27	74	430	360	790	10.0
14	391608	Trịnh Tiến Dũng	3916	9	16	20	9	93	275	470	745	10.0
15	391853	Ngô Thảo Uyên	3918	7	12	29	27	65	405	305	710	10.0
16	390868	Đỗ Thị Thanh Mai	3908	9	22	24	20	61	405	280	685	10.0
17	390240	Trần Ngọc Huyền	3902	9	18	15	22	66	340	310	650	10.0
18	392053	Nguyễn Thị Hòa	3920	6	9	13	11	90	180	450	630	10.0
19	390815	Nguyễn Thị Thúy Hằng	3908	8	7	7	15	89	170	445	615	10.0
20	390824	Lê Thị Thi	3908	10	7	9	28	69	275	330	605	10.0
21	391534	Lê Phương Oanh	3915	6	18	9	14	76	230	370	600	10.0
22	392158	Trịnh Văn Anh	3921	4	14	16	13	76	230	370	600	10.0
23	390404	Khương Văn Trang	3904	8	19	15	27	50	370	215	585	10.0
24	390243	Đặng Thị Hương Nhi	3902	4	15	18	22	59	310	265	575	10.0
25	392208	Lê Thị Hiền	3922	4	8	10	10	88	140	435	575	10.0
26	392471	Nguyễn Chí Trung	3924	7	16	23	12	59	300	265	565	9.5
27	390238	Mai Huyền Trang	3902	8	18	11	13	64	250	300	550	9.5
28	392341	Đinh Thị Huyền Trang	3923	5	15	21	16	51	295	220	515	9.0
29	390928	Đỗ Thị Thanh Thanh	3909	10	18	25	15	39	365	145	510	9.0
30	391929	Nguyễn Sỹ Sơn	3919	9	9	18	8	63	210	290	500	8.5
31	392319	Nguyễn Kiều Trang	3923	9	14	6	14	63	200	290	490	8.5
32	390534	Nguyễn Thị Ngọc	3905	7	14	17	13	51	255	220	475	8.5
33	392262	Trần Thị Hương Giang	3922	6	18	12	13	52	245	225	470	8.0
34	392049	Lê Thị ánh	3920	10	13	17	19	39	310	145	455	8.0
35	391508	Bế Thùy Linh	3915	7	10	11	7	61	160	280	440	
36	392765	Phạm Hùng Cường	3927	1	8	9	7	71	100	340	440	
37	391325	Lê Thị Yến	3913	3	12	10	16	55	190	240	430	
38	392226	Nguyễn Thị Bích Loan	3922	4	14	18	12	45	240	180	420	
39	390123	Nguyễn Thị Lan Anh	3901	8	14	14	6	46	195	190	385	
40	390415	Lương Văn Tám	3904	3	13	12	12	48	185	200	385	
41	392541	Nguyễn Anh Tú	3925	2	18	17	5	45	195	180	375	
42	390563	Nguyễn Ngọc Diệp	3905	8	13	11	12	37	210	130	340	
43	391428	Phạm Thu Thảo	3914	8	17	7	8	40	185	150	335	
44	392054	Nguyễn Thị Nhung	3920	6	18	13	10	29	230	85	315	
45	390671	Giàng Thị Nhật Lệ	3906	4	18	13	11	30	220	90	310	
46	390206	Nguyễn Đỗ Ngọc Oanh	3902	8	14	11	14	27	230	70	300	
47	390214	Nguyễn Thị Lan	3902	4	10	8	8	43	130	170	300	
48	391881	Vũ Nhật Linh	3918	1	9	7	9	44	110	175	285	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	390225	Bùi Thị Phương	3902	8	16	7	8	29	180	85	265	
50	390356	Hoàng Thị Phương Lan	3903	9	24	7	8		240		240	
51	391327	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	3913	4	13	3	7	35	115	120	235	
52	390401	Nguyễn Thị Thu Nhân	3904									
53	391722	Phạm Thị Thuỳ	3917									
54	391730	Trần Xuân Tùng	3917									
55	392123	Lã Ngọc Nam	3921									
56	392166	Đỗ Thu Hà	3921									
57	392171	Dương Hồng Dương	3921									
58	392326	Đoàn Thị Phương Thảo	3923									
59	393104	Trần Thị Minh Giang	3931									
60	403030	Phạm Hồng Nhung	4030A	10	30	26	30	97	495	495	990	10.0
61	403716	Tô Thị Xuân Thanh	4037	9	29	24	25	89	480	445	925	10.0
62	400913	Vi Công Sang	4009	9	11	29	29	99	425	495	920	10.0
63	403745	Vũ Hoàng Diễm My	4037	8	27	28	25	79	485	390	875	10.0
64	403817	Nguyễn Thu Huyền	4038	9	26	27	24	79	475	390	865	10.0
65	402927	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	4029A	10	26	23	21	83	440	410	850	10.0
66	403452	Phạm Thục Anh	4034	7	17	14	29	96	360	490	850	10.0
67	403837	Trần Huy Quang	4038	10	25	25	24	77	465	380	845	10.0
68	401160	Đàm Nhật Linh	4011	8	24	27	20	82	430	405	835	10.0
69	403849	Vũ Thu Hiền	4038	5	25	23	20	86	395	425	820	10.0
70	403863	Nguyễn Phương Thúy	4038	9	22	22	23	79	410	390	800	10.0
71	403739	Trần Thị Thùy Linh	4037	10	21	18	23	80	390	395	785	10.0
72	403845	Tạ Hoàng Hà	4038	10	24	21	23	73	425	355	780	10.0
73	400822	Phạm Khánh Linh	4008	8	26	23	22	69	430	330	760	10.0
74	402841	Hoàng Trung Kiên	4028	7	28	27	21	64	460	300	760	10.0
75	402265	Nguyễn Sỹ Quang	4022	6	25	23	20	72	400	350	750	10.0
76	401215	Nguyễn Hữu Ngọc	4012	8	17	14	16	92	280	465	745	10.0
77	400731	Nguyễn Thị Thu Đông	4007	6	26	17	20	73	370	355	725	10.0
78	402931	Nguyễn Bình Trúc Quỳnh	4029A	8	23	19	22	69	390	330	720	10.0
79	403741	Phạm Lê Ngọc Mai	4037	8	25	20	20	67	395	320	715	10.0
80	403850	Nguyễn Thị Hà Nhi	4038	7	24	20	19	69	380	330	710	10.0
81	402829	Trần Minh Anh	4028	9	24	27	20	56	440	250	690	10.0
82	400933	Lê Hồng Anh	4009	9	17	16	15	77	295	380	675	10.0
83	401629	Hoàng Vân Anh	4016	8	27	21	20	58	410	260	670	10.0
84	402046	Nguyễn Kim Chi	4020	9	28	22	21	53	440	230	670	10.0
85	403820	Vũ Thu Trang	4038	8	24	20	13	68	345	325	670	10.0
86	403836	Lê Nguyễn Khánh Linh	4038	9	24	19	18	63	380	290	670	10.0
87	401520	Nguyễn Kiều Trinh	4015	10	23	17	18	62	365	285	650	10.0
88	402524	Hồ Thị Hằng	4025	6	13	13	18	80	250	395	645	10.0
89	403723	Phan Thanh Trà	4037	10	23	19	16	61	365	280	645	10.0
90	401902	Trịnh Thị Giang	4019	10	25	15	12	66	325	310	635	10.0
91	403738	Lê Thị Hà My	4037	8	23	19	18	59	365	265	630	10.0
92	403840	Hà Thị Nhật Lệ	4038	8	21	23	17	58	370	260	630	10.0
93	401018	Tống Kiên Định	4010	9	28	19	17	53	395	230	625	10.0
94	401637	Phạm Minh Hiếu	4016	5	8	8	10	96	135	490	625	10.0
95	403711	Hoàng Thị Kiều Anh	4037	7	22	17	11	67	295	320	615	10.0
96	403734	Vũ Phương Thảo	4037	6	25	21	14	57	350	255	605	10.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	402405	Kiều Phương Linh	4024	9	20	18	17	58	340	260	600	10.0
98	403501	Nguyễn Trà Linh	4035	8	27	22	20	45	420	180	600	10.0
99	400104	Phan Thị Linh	4001	8	20	18	16	57	325	255	580	10.0
100	403822	Nguyễn Thị Thu Hà	4038	4	25	13	15	60	295	270	565	9.5
101	400727	Nguyễn Thị Lệ Quyên	4007	7	17	22	17	52	330	225	555	9.5
102	400837	Nguyễn Hà Anh	4008	5	17	12	11	71	215	340	555	9.5
103	400712	Nguyễn Bá Tuấn	4007	7	20	19	18	48	340	200	540	9.5
104	401905	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	4019	5	17	18	16	56	290	250	540	9.5
105	402602	Lê Ngọc Linh	4026	10	13	12	8	71	200	340	540	9.5
106	402666	Hoàng Thị Thương	4026	8	26	27	8	43	370	170	540	9.5
107	401235	Trần Văn Chuẩn	4012	8	13	16	14	59	255	265	520	9.0
108	403361	Cao Thanh Huyền	4033	8	22	12	14	53	290	230	520	9.0
109	403414	Triệu Tùng Sơn	4034	5	19	22	15	45	320	180	500	8.5
110	403556	Hồ Quỳnh Hoa	4035	6	15	19	19	46	310	190	500	8.5
111	402407	Vũ Thùy Trang	4024	6	16	16	13	55	255	240	495	8.5
112	403302	Nguyễn Thanh Hương	4033	7	16	12	14	56	245	250	495	8.5
113	403812	Nguyễn Thúy Hạnh	4038		17	14	20	55	255	240	495	8.5
114	403038	Đào Mai Trang	4030A	6	15	11	16	56	240	250	490	8.5
115	403137	Dương Thị Thư	4031	10	14	12	11	57	230	255	485	8.5
116	400527	Trịnh Hương Giang	4005	6	18	16	11	51	255	220	475	8.5
117	400714	Nguyễn Thị Ngọc Anh	4007	5	15	14	14	54	240	235	475	8.5
118	401039	Nguyễn Ngọc Anh	4010	10	14	22	20	35	350	120	470	8.0
119	402402	Nguyễn Gia Mạnh	4024	5	19	16	16	45	290	180	470	8.0
120	400131	Đào Văn Anh	4001	6	16	15	14	49	255	210	465	8.0
121	400510	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	4005	8	18	13	11	50	250	215	465	8.0
122	400172	Hà Kim Oanh	4001	7	14	12	10	57	200	255	455	8.0
123	402121	Trần Thị Hải Yến	4021	1	19	13	16	49	245	210	455	8.0
124	400148	Vũ Kiều Trang	4001	7	19	10	15	47	255	195	450	8.0
125	403740	Vũ Phương Hà	4037	6	11	13	12	57	195	255	450	8.0
126	401342	Lê Thị Khánh Huyền	4013	6	18	13	16	44	270	175	445	
127	402358	Trần Thị Thuý Dương	4023	7	23	13	14	40	295	150	445	
128	403428	Chu Thuý Dương	4034	8	18	10	14	47	250	195	445	
129	402169	Dương Việt Thành	4021	7	19	19	13	38	300	140	440	
130	401355	Phạm Lâm Oanh	4013	4	12	14	18	47	240	195	435	
131	402519	Nguyễn Thảo Linh	4030A	6	11	14	9	56	185	250	435	
132	403718	Đỗ Thị Hường	4037	4	11	14	13	55	195	240	435	
133	401037	Chu Quốc Toàn	4010	3	9	9	29	45	250	180	430	
134	401345	Hoàng Văn Toàn	4013	8	16	14	13	44	255	175	430	
135	403325	Nông Ngọc Mai	4033	6	18	11	9	50	210	215	425	
136	401738	Hoàng Tuấn Anh	4017	4	12	15	18	44	245	175	420	
137	401024	Nguyễn Thị Khánh Huyền	4010	6	9	7	14	56	165	250	415	
138	401335	Đoàn Hồng Nhung	4013	5	18	9	16	44	240	175	415	
139	400431	Ngô Thị Thủy	4004	10	14	10	15	42	245	165	410	
140	402129	Vũ Thị Ngọc	4021	5	18	18	19	31	315	95	410	
141	400721	Trần Mai Hương	4007	7	16	10	13	43	220	170	390	
142	400842	Hoàng Thanh Xuân	4008	6	18	9	12	44	215	175	390	
143	401508	Bùi Phương Thảo	4015	10	14	9	4	49	170	210	380	
144	401532	Trịnh Thị Trâm Anh	4015	5	13	12	15	42	215	165	380	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	400531	Đỗ Thị Vân	4005	5	12	17	10	41	210	160	370	
146	402661	Nguyễn Thị Ngọc	4026	10	12	10	11	43	200	170	370	
147	401406	Đào Thị Giang	4014	5	21	9	16	33	255	110	365	
148	400719	Bùi Ngọc Anh	4007	5	15	11	13	40	210	150	360	
149	401156	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4011	8	10	9	8	47	160	195	355	
150	400763	Nguyễn Thị Thu Thủy	4007	7	18	8	13	37	220	130	350	
151	402525	Phạm Thị Thương	4025	7	14	10	11	40	195	150	345	
152	400427	Đinh Ngọc ánh	4004	5	11	10	15	40	190	150	340	
153	400702	Nguyễn Hiền Lương	4007	6	9	12	10	41	170	160	330	
154	401159	Nguyễn Thị Lan Hương	4011	7	11	15	13	31	220	95	315	
155	400863	Bùi Thị Tuyết Chinh	4008	3	13	11	9	38	165	140	305	
156	401065	Hà Thanh Thanh	4010	7	11	7	14	34	180	115	295	
157	402010	Nguyễn Thị Ngọc Bích	4020	7	16	8	10	32	190	100	290	
158	402162	Đào Thị Yến	4021	5	7	11	10	38	145	140	285	
159	401262	Đàm Thị Huyền Trân	4012	4	11	5	12	38	140	140	280	
160	400313	Phạm Thị Thanh Vân	4003	10	13	10	8	28	190	80	270	
161	402109	Nguyễn Cẩm Nhung	4021	8	14	11	7	29	185	85	270	
162	401912	Trịnh Thị Thuỳ Trang	4019	4	11	7	6	38	120	140	260	
163	401728	Nguyễn Thanh Mai	4017	3	7	14	14	28	175	80	255	
164	402136	Phạm Thị Trang	4021	6	9	6	7	36	120	125	245	
165	400715	Lê Thị Thanh Tâm	4007	1	9	7	4	40	80	150	230	
166	400101	Tăng Thị Giang	4001	2	17	9	11	23	180	45	225	
167	401243	Nguyễn Thị Thanh Hà	4012	2	13	9	5	32	125	100	225	
168	403413	Dương Thị Hòa	4034	5	10	8	9	28	140	80	220	
169	400672	Đinh Duy Lực	4006	4	11	7	12	25	150	60	210	
170	402218	Thào Công Minh	4022	3	11	5	7	32	110	100	210	
171	400166	Trần Thị Hằng	4001	3	15	10	3	25	135	60	195	
172	403248	Trần Thị Thanh Lam	4032	3	11	5	7	29	110	85	195	
173	403203	Lương Thị Bền	4032	3	10	9	7	26	125	65	190	
174	400105	Lương Thị Hải Yến	4001	1	6	7	10	29	95	85	180	
175	400108	Lê Minh Quân	4001	5	12	8	10	18	160	20	180	
176	402643	Trần Thị Lệ Quyên	4026	6	8	12	5	23	135	45	180	
177	403458	Nguyễn Thị Nhung	4034	4	9	8	4	28	100	80	180	
178	402215	Nguyễn Thùy Dung	4022	3	6	9	5	29	90	85	175	
179	401254	Hoàng Thị Linh Chi	4012	5	8	9	8	22	130	40	170	
180	400158	Hoàng Thị Mai Liễu	4001	4	5	12	9	15	130	5	135	
181	400911	Nguyễn Văn Đạt	4009	2	7	9	4	15	85	5	90	
182	400110	Long Thị Hồng	4001									
183	400346	Nguyễn Thị Thanh Huyền	4003									
184	400525	Nguyễn Thu Huyền	4005									
185	400802	Vũ Văn Giang	4008									
186	401911	Nguyễn Thị Hiền	4019									
187	402247	Trương Thị Như Quỳnh	4022									
188	402757	Nguyễn Thành Trung	4027									
189	403833	Đoàn Thùy Anh	4038									
190	403859	Trần Huyền Trang	4038									

BAN GIÁM HIỆU